

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 108/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của
Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 523/TTr-STNMT ngày 22 tháng 12 năm 2023 (kèm theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại Tờ trình số 31/TTr-CNCM ngày 18/12/2023) và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (chi tiết tại Phụ lục và Phương án ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cá sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan hướng dẫn Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau thực hiện hồ sơ, thủ tục đất đai và các thủ tục khác có liên quan theo quy định.

2. Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi có đất) để đăng ký nhu cầu sử dụng đất vào điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện và quy hoạch xây dựng để làm cơ sở lập thủ tục thuê đất theo quy định đối với các thửa đất chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

b) Chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan, khẩn trương thực hiện hồ sơ, thủ tục có liên quan để giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định đối với 03 thửa đất đang tranh chấp (*03 thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với diện tích 52.159,7m², gồm: Trạm cấp nước Trí Phải, tại Ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, với diện tích 200,0m²; Trạm cấp nước số 15 tại khóm 3, Phường 4, thành phố Cà Mau, với diện tích 30,5m²; Nhà máy cấp nước số 2 tại phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, với diện tích 51.929,2m²*).

c) Khẩn trương hoàn thành các hồ sơ, thủ tục có liên quan đối với 02 thửa đất (*Giếng số 3, trước trạm tăng áp tại xã Khánh An, huyện U Minh và Trạm cấp nước số 24 tại Khóm 4, Phường 6, thành phố Cà Mau*) để lập Phương án sử dụng đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung theo quy định.

d) Khẩn trương lập các hồ sơ, thủ tục về đất đai và các thủ tục khác có liên quan đối với tất cả các thửa đất hiện đang quản lý, sử dụng (kể các thửa đất phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa), trình cấp thẩm quyền xem xét, cho thuê đất theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau và Thủ trưởng các sở, ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử

PHỤ LỤC

BIỂU TỔNG HỢP NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 108/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Địa chỉ thửa đất	Số tờ Bản đồ	Số thửa	Hiện trạng sử dụng đất												Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt hoặc Phương án sử dụng đất theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP				Diện tích đất không thuộc phương án sắp xếp	Mục đích sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất tại thời điểm lập phương án sử dụng đất	Đề xuất phương án sử dụng đất đối với diện tích đất doanh nghiệp/đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục sử dụng khi cổ phần hóa				Diện tích đất bàn giao cho địa phương		Ghi chú
				Diện tích (m ²)						Tài sản gắn liền với đất (nếu có)	Loại đất		Thời hạn sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Giấy tờ pháp lý về thửa đất							Diện tích (m ²)		Loại đất	Hình thức sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Theo phương án sắp xếp	
				Tổng số	Diện tích đang sử dụng đúng mục đích	Diện tích đang sử dụng không đúng mục đích	Diện tích không sử dụng	Diện tích có tranh chấp, lấn chiếm	Diện tích đất đã giao, cho thuê, cho mượn, góp vốn không đúng quy định của pháp luật		Theo giấy tờ pháp lý	Theo hiện trạng				Tổng số	Trong đó: Diện tích có tài sản gắn liền với đất											
																		Hình thức xử lý										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
I	Xí nghiệp Cấp nước thành phố Cà Mau			114.316,58	62.356,88	-	-	51.959,70	-							114.716,52	2.390,77					114.316,58						
1	Khóm 3, Phường 5 (Trụ sở Công ty và trạm cấp nước 27)	17	528	1.361,90	1.361,90					Trụ sở Công ty	Xây dựng trụ sở làm việc	TMD	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số AH 397868 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/01/2007	1.378,80	749,30	Đất trụ sở cơ quan	Giữ lại		SKC-TMD	1.361,90	TMD	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
2	Khóm 3, Phường 5 (Nhà xưởng giáp Kênh xáng Phụng Hiệp đối diện trụ sở Công ty)	17	476	281,30	281,30					Nhà xưởng	Xây dựng	SKC	Tạm giao	Tạm giao	GCNQSDĐ số C 145084 được UBND tỉnh Minh Hải cấp ngày 26/5/1994	484,00	299,00	Đất xây dựng	Giữ lại		SKC	281,30	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
3	Khóm 9, Phường 6 (Nhà máy cấp nước số 1)	11	111	58.607,50	58.607,50					Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng cụm giếng nước	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số T 723931 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 04/4/2002	58.936,50	397,60	Đất xây dựng cụm giếng nước	Giữ lại		SKC	58.607,50	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
4	Khóm 6, Phường 5 (Trạm cấp nước số 2)	24	273	50,70	50,70					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số S 580923 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 15/11/2004	52,00	20,10	Đất xây dựng	Giữ lại		SKC	50,70	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
5	Phường Tân Xuyên (Nhà máy cấp nước số 2)	1	37	51.929,20				51.929,20		Nhà quản lý và trạm cấp nước	SKC	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số AB 056717 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 28/01/2005	51.929,20	372,40	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giữ lại		SKC	51.929,20	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
6	Khóm 2, Phường 2 (Trạm cấp nước số 4)	5	250	37,60	37,60					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC		Có tờ trình xác nhận nguồn gốc đất (Nhận bàn giao lại từ Quốc gia thủy cục từ sau 30/4/1975 sử dụng đến nay)		33,00	33,00	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	37,60	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
7	Khóm 2, Phường 9 (Trạm cấp nước số 7)	87	148	86,20	86,20					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC		Không có giấy tờ pháp lý về đất đai		87,20	45,90	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	86,20	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			

STT	Địa chỉ thửa đất	Số tờ Bản đồ	Số thửa	Hiện trạng sử dụng đất											Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt hoặc Phương án sử dụng đất theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP				Diện tích đất không thuộc phương án sắp xếp	Mục đích sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất tại thời điểm lập phương án sử dụng đất	Đề xuất phương án sử dụng đất đối với diện tích đất doanh nghiệp/đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục sử dụng khi cổ phần hóa				Diện tích đất bán giao cho địa phương		Ghi chú	
				Diện tích (m ²)						Tài sản gắn liền với đất (nếu có)	Loại đất		Thời hạn sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Giấy tờ pháp lý về thửa đất	Diện tích (m ²)		Loại đất			Diện tích	Loại đất	Hình thức sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Theo phương án sắp xếp	Không thuộc phương án sắp xếp		
				Tổng số	Diện tích đang sử dụng đúng mục đích	Diện tích đang sử dụng không đúng mục đích	Diện tích không sử dụng	Diện tích có tranh chấp, lấn chiếm	Diện tích đất đã giao, cho thuê, cho mượn, góp vốn không đúng quy định của pháp luật		Theo giấy tờ pháp lý	Theo hiện trạng				Tổng số	Trong đó: Diện tích có tài sản gắn liền với đất	Hình thức xử lý										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
8	Khóm 3, Phường 2 (Trạm cấp nước số 12)	7	192	86,00	86,00					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC	03/10/2062		Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 19/7/2013 của UBND tỉnh Cà Mau về việc cho Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau thuê đất tại Đường Hoàng Diệu, Khóm 3, Phường 2, thành phố Cà Mau	85,80	42,90	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	86,00	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	03/10/2062			
9	Khóm 3, Phường 4 (Trạm cấp nước số 15)	38	38	30,50				30,50		Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng trạm bơm nước	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số Đ 166810 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 21/5/2004	30,50	22,36	Đất xây dựng trạm bơm nước	Giữ lại		SKC	30,50	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
10	Khóm 6, Phường 1 (Trạm cấp nước số 16)	2	614	145,60	145,60					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			Chứng chỉ quy hoạch số: 90/CCQH, ngày 08/3/2005	137,50	36,00	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	145,60	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
11	Khóm 5, Phường 6 (Trạm cấp nước số 18)	39	142	76,50	76,50					Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng trạm bơm nước	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số Y 846185 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 21/5/2004	72,30	30,50	Đất xây dựng trạm bơm nước	Giữ lại		SKC	76,50	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
12	Khóm 3, Phường 5 (Trạm cấp nước số 19)	17	27	14,70	14,70					Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng trạm bơm nước	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số Đ 166802 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 30/4/2004	13,50	13,50	Đất xây dựng trạm bơm nước	Giữ lại		SKC	14,70	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
13	Khóm 5, Phường 7 (Trạm cấp nước số 20)	13	5	164,90	164,90					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			QĐ số 95/QĐ-UB ngày 23/8/1990, đòi vị trí qua khu quy hoạch Công ty phát triển nhà (vị trí hiện nay) để xây dựng Ngân hàng Nông nghiệp	132,60	65,18	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	164,90	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
14	Khóm 8, Phường 8 (Trạm cấp nước số 21)	34	99	71,30	71,30					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			QĐ số 141/QĐ-UB ngày 21/11/1990	67,50	31,11	Đất xây dựng trạm bơm nước	Giữ lại		SKC	71,30	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
15	Khóm 5, phường 9 (Trạm cấp nước số 22)	75	46	45,00	45,00					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			QĐ số 74/QĐ-UB ngày 20/4/1991	24,50	24,40	Đất xây dựng trạm bơm nước	Giữ lại		SKC	45,00	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
16	Khóm 8, Phường 5 (Trạm cấp nước số 23)	14	213	67,10	67,10					Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSD số Y 846180 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 30/4/2004	60,00	30,24	Đất xây dựng	Giữ lại		SKC	67,10	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			

STT	Địa chỉ thửa đất	Số tờ Bản đồ	Số thửa	Hiện trạng sử dụng đất												Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt hoặc Phương án sử dụng đất theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP				Diện tích đất không thuộc phương án sắp xếp	Mục đích sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất tại thời điểm lập phương án sử dụng đất	Đề xuất phương án sử dụng đất đối với diện tích đất doanh nghiệp/đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục sử dụng khi cổ phần hóa				Diện tích đất bàn giao cho địa phương		Ghi chú
				Diện tích (m ²)						Loại đất		Thời hạn sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Giấy tờ pháp lý về thửa đất	Diện tích (m ²)		Loại đất	Hình thức sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất			Theo phương án sắp xếp	Không thuộc phương án sắp xếp					
				Tổng số	Diện tích đang sử dụng đúng mục đích	Diện tích đang sử dụng không đúng mục đích	Diện tích không sử dụng	Diện tích có tranh chấp, lấn chiếm	Diện tích đất đã giao, cho thuê, cho mượn, góp vốn không đúng quy định của pháp luật	Tài sản gắn liền với đất (nếu có)	Theo giấy tờ pháp lý				Theo hiện trạng	Tổng số								Trong đó: Diện tích có tài sản gắn liền với đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
17	Khóm 2, Phường 1 (Trạm cấp nước số 25)	40	297	46,30	46,30					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			QĐ số 889-QĐ/UB, ngày 01/11/1996	45,00	18,20	Đất xây dựng trạm bơm nước	Giữ lại		SKC	46,30	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
18	Khóm 8, Phường 8 (Trạm cấp nước số 26)	39	118	80,00	80,00					Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng trạm bơm số 26	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số E 0127793 do UBND tỉnh cấp ngày 29/4/1996	78,87	60,40	Đất xây dựng trạm bơm	Giữ lại		SKC	80,00	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
19	Xã Lý Văn Lâm (Trạm cấp nước số 29)	69	101	1.038,40	1.038,40					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			Chứng chỉ quy hoạch số 220/CCQH-SXD ngày 14/9/2006	1.067,75	28,16	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	1.038,40	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
20	Khóm 1, Phường 6 (Trạm cấp nước số 1 (Sân Nhì))	28	18	95,88	95,88					Nhà quản lý và trạm cấp nước	XD trạm bơm nước	DYT	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số Y 846186 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 21/5/2004		70,52	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	95,88	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
II	Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi			620,70	620,70	-	-	-	-							662,00	91,80					620,70						
1	Áp Cái Keo, Xã Quách Phẩm (Trạm cấp nước số 1)	22	75	131,60	131,60					Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số H 435517 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 29/7/1997	72,00	36,00	Đất xây dựng	Giữ lại		SKC	131,60	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
2	Khóm 4, TT Đầm Dơi (Trạm cấp nước số 1)	33	117	203,50	203,50					Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSD số K 563196 được UBND tỉnh cấp ngày 23/02/1998	340,00	37,80	Đất xây dựng	Giữ lại		SKC	203,50	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
3	Khóm 1, TT Đầm Dơi (Trạm cấp nước số 2)	10	190	285,60	285,60					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			Đất UBND huyện bỏ tri cấp, Mạnh trích đo địa chính Văn phòng ĐKĐĐ lập.	250,00	18,00	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	285,60	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
III	Chi nhánh Cấp nước Thới Bình			481,30	281,30	-	-	200,00	-							478,80	107,10					481,30						
1	Khóm 1, thị trấn Thới Bình (Trạm cấp nước số 1)	38	211	138,00	138,00					Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng trạm bơm nước	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số Đ 166809 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 21/5/2004	134,00	24,10	Đất xây dựng trạm bơm nước	Giữ lại		SKC	138,00	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
2	Khóm 2, thị trấn Thới Bình (Trạm cấp nước số 2)	12	154	143,30	143,30					Nhà quản lý và trạm cấp nước	SKC	SKC	22/6/2057	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số AI 677580 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/7/2007	144,80	21,00	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giữ lại		SKC	143,30	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	22/6/2057			
3	Áp 1, xã Trĩ Phái (Trạm cấp nước Trĩ Phái)	16	242	200,00				200,00		Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số E 0127707 được UBND tỉnh Minh Hải cấp ngày 8/12/1995	200,00	62,00	Đất xây dựng trạm bơm nước	Giữ lại		DGD	200,00	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			

STT	Địa chỉ thửa đất	Số tờ Bản đồ	Số thửa	Hiện trạng sử dụng đất												Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt hoặc Phương án sử dụng đất theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP				Diện tích đất không thuộc phương án sắp xếp	Mục đích sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất tại thời điểm lập phương án sử dụng đất	Đề xuất phương án sử dụng đất đối với diện tích đất doanh nghiệp/đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục sử dụng khi cổ phần hóa				Diện tích đất bàn giao cho địa phương		Ghi chú
				Diện tích (m ²)						Tài sản gắn liền với đất (nếu có)	Loại đất		Thời hạn sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Giấy tờ pháp lý về thửa đất							Diện tích (m ²)		Loại đất	Hình thức xử lý	Diện tích	Loại đất	
				Tổng số	Diện tích đang sử dụng đúng mục đích	Diện tích đang sử dụng không đúng mục đích	Diện tích không sử dụng	Diện tích có tranh chấp, lấn chiếm	Diện tích đất đã giao, cho thuê, góp vốn không đúng quy định của pháp luật		Theo giấy tờ pháp lý	Theo hiện trạng				Tổng số	Trong đó: Diện tích có tài sản gắn liền với đất	Hình thức xử lý	Diện tích			Loại đất	Hình thức sử dụng đất					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
IV	Chi nhánh Cấp nước U Minh			5.765,20	5.765,20	-	-	-	-							5.269,00	320,05					5.765,20						
1	Khóm 2, thị trấn U Minh (Trạm cấp nước U Minh)	36	80	760,80	760,80					Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số K 563608 do UBND tỉnh cấp ngày 10/12/1997	240,00	68,20	Đất xây dựng	Giữ lại		SKC	760,80	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	10/12/2047			
2	Ấp 3, xã Khánh Hội (Trạm cấp nước Khánh Hội)	33	1	210,20	210,20					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			Biên bản thỏa thuận về việc mua bán đất giữa Công ty Cấp nước Minh Hải với ông Đào Quang Trung ngày 23/11/1999	204,00	44,25	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	210,20	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
3	Ấp 1, Xã Khánh An (Trạm cấp nước số 3)	4	444	1.532,60	1.532,60					Nhà quản lý và trạm cấp nước					Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 07/9/2009	1.500,00	18,20	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	1.532,60	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
4	Ấp 1, xã Khánh An (Trạm cấp nước số 2)	4	441	261,60	261,60					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau, bố trí, bàn giao XD trạm cấp nước cho khu tái định cư giai đoạn đầu	325,00	81,90	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	261,60	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
5	Xã Khánh An (Nhà máy cấp nước Khánh An (trạm tăng áp))	22	2	3.000,00	3.000,00					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			Ban Quản lý Cụm công nghiệp Khi-Điện-Đạm, bố trí, bàn giao xây dựng Nhà máy cấp nước	3.000,00	107,50	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		SKC	3.000,00	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
V	Chi nhánh Cấp nước Phú Tân			5.551,80	5.551,80	-	-	-	-							6.055,20	414,88					5.551,80						
1	Khóm 7, thị trấn Cái Đồi Vàm (Nhà máy cấp nước Bờ Bắc)	44	54	1.273,40	1.273,40					Nhà quản lý và trạm cấp nước	SKC	SKC	25/5/2060	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số BG 237600 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/9/2011	1.284,40	110,40	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giữ lại		SKC	1.273,40	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	25/5/2060			
2	Khóm 2, thị trấn Cái Đồi Vàm (Nhà máy cấp nước Bờ Nam)	49	106	4.278,40	4.278,40					Nhà quản lý và trạm cấp nước	SKC	SKC	24/5/2060	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số BG 237598 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/9/2011	4.770,80	304,48	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giữ lại		SKC	4.278,40	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	24/5/2060			
VI	Chi nhánh Cấp nước Cái Nước			207,10	207,10	-	-	-	-							204,00	53,36					207,10						
1	Khóm 1, thị trấn Cái Nước (Trạm cấp nước số 1)	27	72	207,10	207,10					Nhà quản lý và trạm cấp nước	Xây dựng	SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số H 435502 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 29/7/1997; GCNQSDĐ số L 951161 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 10/7/1998	204,00	53,36	Đất xây dựng	Giữ lại		SKC	207,10	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm			
VII	Chi nhánh Cấp nước Trán Văn Thới			9.899,50	9.899,50	-	-	-	-							10.000,00	512,95					9.899,50						

STT	Địa chỉ thửa đất	Số tờ Bản đồ	Số thửa	Hiện trạng sử dụng đất											Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt hoặc Phương án sử dụng đất theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP					Diện tích đất không thuộc phương án sắp xếp	Mục đích sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất tại thời điểm lập phương án sử dụng đất	Đề xuất phương án sử dụng đất đối với diện tích đất doanh nghiệp/đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục sử dụng khi cổ phần hóa				Diện tích đất bản giao cho địa phương		Ghi chú	
				Diện tích (m ²)						Tài sản gắn liền với đất (nếu có)	Loại đất		Thời hạn sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Giấy tờ pháp lý về thửa đất	Diện tích (m ²)		Loại đất	Hình thức xử lý			Diện tích đất	Loại đất	Hình thức sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Theo phương án sắp xếp	Không thuộc phương án sắp xếp		
																Tổng số	Diện tích đang sử dụng đúng mục đích												Diện tích đang sử dụng không đúng mục đích
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)						(9)											
1	Khóm 5, thị trấn Trần Văn Thới (Trạm cấp nước số 2)	12	81	99,50	99,50					Nhà quản lý và trạm cấp nước	SKC	SKC	18/7/2057	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số BA 537960 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 28/7/2010	200,00	29,00	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giữ lại		TMD	99,50	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	18/7/2057				
2	Khóm 11, thị trấn Sông Đốc (Nhà máy cấp nước Bờ Bắc Sông Đốc)	8	75	3.725,70	3.725,70					Nhà quản lý và trạm cấp nước	SKC	SKC	14/10/2059	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số BD 485345 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/3/2011	3.725,70	184,00	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giữ lại		TMD	3.725,70	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm				
3	Khóm 4, thị trấn Sông Đốc (Nhà máy cấp nước Bờ Nam Sông Đốc)	29	30	4.586,80	4.586,80					Nhà quản lý và trạm cấp nước	SKC	SKC	14/10/2059	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số BD 485347 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/3/2011	4.586,80	221,35	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giữ lại		TMD	4.586,80	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm				
4	Khóm 9, thị trấn Sông Đốc (Trạm cấp nước số 1)	2	246	1.487,50	1.487,50					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	GCNQSDĐ số Y 846179 được UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 30/4/2004	1.487,50	78,60	Đất xây dựng	Giữ lại		ODT+DGT	1.487,50	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm				
VIII	Chỉ nhánh Cấp nước Ngọc Hiến			5.897,10	5.897,10	-	-	-	-							5.100,00	327,90					5.897,10							
1	Khóm 4, thị trấn Rạch Gốc (Trạm cấp nước số 2)	20	64	852,60	852,60					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			Chứng chỉ quy hoạch số 08/CCQH-UBND ngày 25/6/2012 của UBND huyện Ngọc Hiến và Mảnh trích đo địa chính Văn phòng Đăng ký đất đai lập	600,00	58,50	Đất xây dựng trạm cấp nước	Giữ lại		TMD	852,60	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm				
2	Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc (Trạm cấp nước số 1, lô C06, quy hoạch chi tiết khu trung tâm hành chính huyện Ngọc Hiến)	16	196	5.044,50	5.044,50					Nhà quản lý và trạm cấp nước		SKC			Chứng chỉ quy hoạch số 09/CCQH-UBND ngày 25/6/2012 của UBND huyện Ngọc Hiến và Mảnh trích đo địa chính Văn phòng Đăng ký đất đai lập	4.500,00	269,40	Đất xây dựng nhà máy cấp nước	Giữ lại		SKC	5.044,50	SKC	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm				
TỔNG				142.739,28	90.579,58	-	-	52.159,70	-							142.485,52	4.218,81					142.739,28							